

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch
Ông Diệp Vĩnh Xuân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên
Bà Lê Thị Lài	Thành viên
Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lưu Bách Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lưu Bách Thảo

Chủ Tịch kiêm Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Số: 20 /2011 /Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Việt An

Chúng tôi đã soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Do không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 11 tháng 8 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		991.781.856.175	822.845.445.901
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.376.093.139	72.074.382.267
1. Tiền	111		12.376.093.139	27.074.382.267
2. Các khoản tương đương tiền			-	45.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.224.000.000	4.784.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.160.000.000	11.960.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.936.000.000)	(7.176.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		575.124.812.167	390.880.099.691
1. Phải thu khách hàng	131		347.154.915.690	265.598.957.822
2. Trả trước cho người bán	132		80.636.966.212	45.572.208.315
3. Các khoản phải thu khác	135		147.332.930.265	79.708.933.554
IV. Hàng tồn kho	140	6	384.268.746.464	340.358.011.417
1. Hàng tồn kho	141		384.268.746.464	340.358.011.417
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.788.204.405	14.748.952.526
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.460.629.230	7.812.572.365
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.136.631.528	3.249.693.990
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.190.943.647	3.686.686.171
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.155.120.604	266.242.771.796
I. Tài sản cố định	220		192.774.633.532	184.217.391.661
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	130.388.833.194	116.420.370.010
- Nguyên giá	222		165.193.388.226	140.219.002.512
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.804.555.032)	(23.798.632.502)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	16.090.288.078	22.357.008.230
- Nguyên giá	225		25.255.952.256	34.937.439.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.165.664.178)	(12.580.431.459)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	20.444.712.697	20.430.032.141
- Nguyên giá	228		20.445.132.141	20.430.032.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(419.444)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	25.850.799.563	25.009.981.280
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.400.000.000	64.291.543.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	20.400.000.000	36.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	-	39.340.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(11.048.457.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		16.980.487.072	17.733.837.135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	15.235.162.072	15.549.113.255
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.745.325.000	2.184.723.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.221.936.976.779	1.089.088.217.697

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		895.765.637.722	910.821.878.200
I. Nợ ngắn hạn	310		881.050.100.440	896.459.481.218
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	718.664.121.986	687.243.749.873
2. Phải trả người bán	312		117.970.150.362	156.209.611.965
3. Người mua trả tiền trước	313		3.279.745.008	415.767.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	9.482.322.084	6.368.263.392
5. Phải trả người lao động	315		6.865.077.460	10.336.799.816
6. Chi phí phải trả	316		4.102.745.355	1.229.342.679
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		20.685.938.185	34.655.945.709
II. Nợ dài hạn	330		14.715.537.282	14.362.396.982
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	14.177.760.232	13.814.134.432
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		537.777.050	548.262.550
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		326.171.339.057	178.266.339.497
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	326.171.339.057	178.266.339.497
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75.000.000.000	12.500.038.413
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		381.298.636	381.298.636
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		100.790.040.421	65.385.002.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.221.936.976.779	1.089.088.217.697

Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét)
1. Doanh thu gộp	01		631.958.740.730	455.185.619.725
2. Các khoản giảm trừ	02		(5.233.310.644)	(3.624.780.934)
3. Doanh thu thuần	10		626.725.430.086	451.560.838.791
4. Giá vốn hàng bán	11		(494.064.142.937)	(351.556.651.176)
5. Lợi nhuận gộp	20		132.661.287.149	100.004.187.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	33.429.313.414	410.190.336
7. Chi phí tài chính	22	19	(57.021.131.342)	(18.957.375.862)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(19.104.553.409)</i>	<i>(11.879.621.759)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(44.145.514.261)	(35.711.369.263)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(10.661.018.053)	(8.169.463.348)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.262.936.907	37.576.169.478
11. Thu nhập khác	31		7.088.402.891	3.087.996.532
12. Chi phí khác	32		(7.058.822.876)	(3.013.948.700)
13. Lợi nhuận khác	40	20	29.580.015	74.047.832
14. Lợi nhuận trước thuế	50		54.292.516.922	37.650.217.310
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	(3.603.831.289)	(2.437.610.023)
16. Thuế thu nhập hoãn lại	52	21	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		50.688.685.633	35.212.607.287
18. Lãi trên cổ phiếu	61	22	3.613	3.521

Lưu Bách Thảo**Tổng Giám đốc**

Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Ngô Văn Thu**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

Từ 1/1/2009

đến 30/6/2009

(chưa soát xét)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	54.292.516.922	37.650.217.310
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.591.574.693	5.950.965.731
Các khoản dự phòng	03	(11.288.457.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(10.661.809.616)	4.526.455.374
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(634.688.751)	(484.238.168)
Chi phí lãi vay	06	19.406.193.105	11.879.621.759
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.705.329.353	59.523.022.006
Tăng các khoản phải thu	09	(187.698.883.346)	(47.985.753.169)
Tăng hàng tồn kho	10	(43.910.735.047)	(81.789.492.369)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(50.556.909.790)	27.125.897.436
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	156.998.379	(28.813.830.462)
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.406.193.105)	(11.879.621.759)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(244.503.984)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	113.062.462	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.783.682.381)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(244.109.237.047)	(83.819.778.317)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(17.355.548.465)	(16.887.946.539)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(80.000.000)	(24.600.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	55.820.000.000	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	634.688.751	484.238.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	39.019.140.286	(41.003.708.371)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của các cổ đông	31	105.000.000.000	56.500.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	49.203.967.491	99.354.935.867
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.644.520.966)	(2.975.721.413)
4. Cổ tức chia cho các cổ đông	27	(6.000.003.692)	(9.999.996.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	145.559.442.833	142.879.218.146
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong giai đoạn	50	(59.530.653.928)	18.055.731.458
Tiền và tương đương tiền đầu giai đoạn	60	72.074.382.267	1.762.868.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(167.635.200)	-
Tiền và tương đương tiền cuối giai đoạn	70	12.376.093.139	19.818.599.863

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong giai đoạn, Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 7.499.961.587 đồng và tăng vốn điều lệ bằng thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 12.500.038.413 đồng. Các nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.

Lưu Bách Thảo**Tổng Giám đốc**

Ngày 11 tháng 8 năm 2010

Ngô Văn Thu**Kế toán trưởng**

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000060 ngày 27 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Việt An, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000307 ngày 22 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 2.460 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2.413 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến các sản phẩm thủy sản với sản phẩm chính là cá tra fi lê.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 của riêng Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho cho giai đoạn sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc giai đoạn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và các chi phí có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 201, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 sẽ giảm 10.494.174.416 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 sẽ ghi có một khoản tương ứng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	7.509.928.197	12.603.463.666
Tiền gửi ngân hàng	4.866.164.942	14.470.918.601
Các khoản tương đương tiền	-	45.000.000.000
	12.376.093.139	72.074.382.267

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chứng khoán niêm yết	11.160.000.000	11.160.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	-	800.000.000
	11.160.000.000	11.960.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.936.000.000)	(7.176.000.000)
	4.224.000.000	4.784.000.000

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.614.681.797	1.256.950.584
Công cụ, dụng cụ	11.701.303.563	7.181.719.109
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.976.858.825	37.669.275.845
Thành phẩm	321.547.963.156	289.684.223.816
Hàng hóa	732.196.723	732.196.723
Hàng gửi đi bán	1.695.742.400	3.833.645.340
	384.268.746.464	340.358.011.417

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	68.915.001.442	60.468.144.414	4.800.095.907	6.035.760.749	140.219.002.512
Tăng	-	553.093.038	10.500.000	2.545.000.000	3.108.593.038
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.631.690.784	4.552.614.459	-	-	12.184.305.243
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	9.681.487.433	-	-	9.681.487.433
Tại ngày 30/6/2010	<u>76.546.692.226</u>	<u>75.255.339.344</u>	<u>4.810.595.907</u>	<u>8.580.760.749</u>	<u>165.193.388.226</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	9.028.480.766	11.226.872.724	1.640.540.707	1.902.738.305	23.798.632.502
Khấu hao trong kỳ	1.759.240.690	3.129.548.010	26.921.547	889.032.987	5.804.743.234
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	5.201.179.296	-	-	5.201.179.296
Tại ngày 30/6/2010	<u>10.787.721.456</u>	<u>19.557.600.030</u>	<u>1.667.462.254</u>	<u>2.791.771.292</u>	<u>34.804.555.032</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2010	<u>65.758.970.770</u>	<u>55.697.739.314</u>	<u>3.143.133.653</u>	<u>5.788.989.457</u>	<u>130.388.833.194</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>59.886.520.676</u>	<u>49.241.271.690</u>	<u>3.159.555.200</u>	<u>4.133.022.444</u>	<u>116.420.370.010</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	33.791.208.413	1.146.231.276	34.937.439.689
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.681.487.433)	-	(9.681.487.433)
Tại ngày 30/6/2010	24.109.720.980	1.146.231.276	25.255.952.256
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	12.409.737.100	170.694.359	12.580.431.459
Khấu hao trong năm	1.738.652.381	47.759.634	1.786.412.015
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.201.179.296)	-	(5.201.179.296)
Tại ngày 30/6/2010	8.947.210.185	218.453.993	9.165.664.178
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	15.162.510.795	927.777.283	16.090.288.078
Tại ngày 31/12/2009	21.381.471.313	975.536.917	22.357.008.230

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	-	20.430.032.141	20.430.032.141
Tăng	15.100.000	-	15.100.000
Tại ngày 30/6/2010	15.100.000	20.430.032.141	20.445.132.141
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	419.444	-	419.444
Tại ngày 30/6/2010	419.444	-	419.444
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	14.680.556	20.430.032.141	20.444.712.697
Tại ngày 31/12/2009	-	20.430.032.141	20.430.032.141

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	25.009.981.280	22.542.352.127
Tăng	14.595.481.227	25.379.333.408
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình	(12.184.305.243)	(17.861.794.256)
Kết chuyển vào tài sản thuê tài chính	-	(1.146.231.276)
Kết chuyển vào chi phí trả trước ngắn hạn	(491.104.061)	(3.903.678.723)
Giảm khác	(1.079.253.640)	-
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	25.850.799.563	25.009.981.280

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anpha - Ag	Long An	51	51	Kinh doanh kho lạnh

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Anpha - Ag. (“Công ty con”), một công ty cổ phần ở tỉnh Long An với vốn góp là 20.400.000.000 chiếm tỉ lệ 51% (Năm 2009: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 90%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Khoản đầu tư này được ghi nhận trên báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá gốc. Công ty con hiện đã hoàn tất xây dựng cơ bản và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 6 năm 2010.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu AFASCO (“Công ty liên kết”) ở tỉnh An Giang với vốn góp là 39.340.400.000 đồng, chiếm 48% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty liên kết. Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	15.549.113.255	8.172.408.698
Tăng	3.669.354.970	17.713.002.155
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(3.983.306.153)	(10.336.297.598)
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	15.235.162.072	15.549.113.255

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	712.191.105.012	676.038.734.933
Vay dài hạn đến hạn trả	2.041.977.000	4.129.454.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	4.431.039.974	7.075.560.940
	718.664.121.986	687.243.749.873

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty và các tài sản cá nhân của ông Lưu Bách Thảo - Chủ tịch của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế xuất nhập khẩu	-	316.119.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.348.913.320	5.989.586.015
Các loại thuế khác	133.408.764	62.557.483
	9.482.322.084	6.368.263.392

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	6.926.212.621	9.013.689.621
Nợ thuê tài chính dài hạn	13.724.564.585	16.005.459.751
	20.650.777.206	25.019.149.372
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(2.041.977.000)	(4.129.454.000)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	(4.431.039.974)	(7.075.560.940)
	14.177.760.232	13.814.134.432

Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) bao gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 910.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng là 1% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 12 năm 2005 đến tháng 9 năm 2010.

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 0,95% đến 1% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2011.

Vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”) có hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty còn vay từ ông Trần Thanh Nguyên, một bên thứ ba, với số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm là 16,8%. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này không có bảo đảm và được hoàn trả trong vòng 2 năm kể từ ngày vay đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.041.977.000	4.129.454.000
Trong năm thứ hai	4.884.235.621	4.884.235.621
	6.926.212.621	9.013.689.621
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(2.041.977.000)	(4.129.454.000)
Số phải trả sau 12 tháng	4.884.235.621	4.884.235.621

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là sáu mươi (60) tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê		Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê hiện tại	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	4.781.617.807	7.398.774.878	4.431.039.974	7.075.560.940
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.884.754.257	9.507.331.538	9.293.524.611	8.929.898.811
	14.666.372.064	16.906.106.416	13.724.564.585	16.005.459.751
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(941.807.479)	(900.646.665)		
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	13.724.564.585	16.005.459.751	13.724.564.585	16.005.459.751
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)			(4.431.039.974)	(7.075.560.940)
Số phải trả sau 12 tháng			9.293.524.611	8.929.898.811

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	15.000.000	15.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 1600720555 ngày 21 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng. Trong giai đoạn, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 2 tháng 1 năm 2010, Công ty đã phát hành 3.000.000 cổ phần cho cổ đông bên ngoài với giá bán bình quân là 35.000 đồng một cổ phần và 2.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá để tăng vốn điều lệ lên 150.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông sáng lập góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Vốn đã góp	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
			<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ông Lưu Bách Thảo	3.564.728	5.480.000	35.647.280.000	54.800.000.000
Ông Diệp Vĩnh Xuân (Far East Venture LLC)	2.400.000	2.400.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Bà Lê Thị Lại	705.624	500.000	7.056.240.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch An Giang	677.399	480.000	6.773.990.000	4.800.000.000
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	282.250	320.000	2.822.500.000	3.200.000.000
Bà Lê Thị Lệ Thủy	282.250	320.000	2.822.500.000	3.200.000.000
	7.912.251	9.500.000	79.122.510.000	95.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2009	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	511.351.127	113.392.688.176
Vốn góp	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	74.873.647.629	74.873.647.629
Cổ tức đã chia	-	-	-	(9.999.996.308)	(9.999.996.308)
Số dư tại ngày 31/12/2009	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	65.385.002.448	178.266.339.497
Vốn góp	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	-	50.688.685.633	50.688.685.633
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	20.000.000.000	(12.500.038.413)	-	(7.499.961.587)	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(6.000.003.692)	(6.000.003.692)
Chi thường năm 2009	-	-	-	(1.783.682.381)	(1.783.682.381)
Thặng dư vốn cổ phần	-	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2010	150.000.000.000	75.000.000.000	381.298.636	100.790.040.421	326.171.339.057

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2010, Đại hội cổ đông của Công ty đã phê duyệt chia cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt là 16% mệnh giá và chia cổ tức bằng cổ phiếu là 7.499.961.587 đồng. Khoản cổ tức bằng tiền đã được thanh toán cho cổ đông trong năm 2009 và năm 2010 lần lượt là 9.999.996.308 đồng và 6.000.003.692 đồng. Ngoài ra, cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt việc chi thường hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận và thù lao năm 2009 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt 1.243.682.381 đồng và 540.000.000 đồng và tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 12.500.038.413 cho cổ đông hiện hữu của Công ty.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Lãi tiền gửi	634.688.751	410.190.336
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.239.793.247	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.494.174.416	-
Lãi chuyển nhượng vốn đầu tư	11.864.457.000	-
Khác	196.200.000	-
	33.429.313.414	410.190.336

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Lãi tiền vay	19.406.193.105	13.182.582.856
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.038.938.237	4.526.455.374
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	576.000.000	-
Phí ngân hàng	-	1.248.337.632
	57.021.131.342	18.957.375.862

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	40.753.800	666.666.667
Bán bao bì và dụng cụ	7.045.429.091	1.947.859.310
Khác	2.220.000	473.470.555
Thu nhập khác	7.088.402.891	3.087.996.532
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(40.753.800)	(730.909.084)
Giá vốn bao bì và dụng cụ	(7.017.829.194)	(1.947.613.592)
Các khoản chi phí khác	(239.882)	(335.426.024)
Chi phí khác	(7.058.822.876)	(3.013.948.700)
Lợi nhuận khác	29.580.015	74.047.832

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	54.292.516.922	37.650.217.310
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	54.292.516.922	37.650.217.310
Thuế suất áp dụng	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.429.251.692	3.765.021.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.825.420.403)	(1.327.411.708)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.603.831.289	2.437.610.023

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006 và 2007 là hai năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2008). Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần lợi nhuận tăng thêm do doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trên cơ sở các số liệu sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận sau thuế	50.688.685.633	35.212.607.287
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.688.685.633	35.212.607.287
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong giai đoạn	14.027.778	10.000.000
Lãi trên cổ phiếu	3.613	3.521

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc giai đoạn, Công ty có các cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	46.801.584	39.001.320
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	187.206.336	187.206.336
Sau năm năm	2.067.069.960	2.113.871.544
	2.301.077.880	2.340.079.200

Thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong 50 năm tính từ tháng 3 năm 2005. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2005.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong giai đoạn, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (chưa soát xét) VNĐ
Tạm ứng cho Công ty con	45.008.208.921	26.387.827.626

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong giai đoạn như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2010 (chưa soát xét) VNĐ
Lương và thưởng	762.000.000	373.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc giai đoạn như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản phải thu		
Công ty con	93.302.419.738	48.294.210.817
Các khoản phải trả		
Công ty con	-	771.955.154